HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2020/NQ-HĐND	*Bắc Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

V/v Ban hành Quy định về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;

Căn cứ Luật Chăn nuôi năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Quy định về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này "Quy định về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh".

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 17/7/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2020./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Quốc Chung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC NINH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng, nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo Điều 2, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP) ngoài ra cần đảm bảo một số nội dung như sau:

a) Đối với chính sách tín dụng: Doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng các yêu cầu quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

b) Đối với chính sách thúc đẩy tập trung đất đai tạo quỹ đất: Doanh nghiệp có dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 5, Điều 3, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và phải phù hợp với danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn của tỉnh Bắc Ninh; các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách tập trung đất đai đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

c) Đối với chính sách khác: Doanh nghiệp có dự án đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc danh mục ngành nghề đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, gồm: chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung; đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước bên ngoài dự án.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Các nội dung chính sách quy định tại Nghị quyết này, nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh, thì đối tượng áp dụng được chọn, hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành.

b) Chỉ áp dụng một lần cho một đối tượng với một nội dung hưởng thụ chính sách.

c) Nếu doanh nghiệp điều chỉnh dự án thì các nội dung hưởng thụ từ chính sách cũng được xem xét điều chỉnh phù hợp với các quy định của chính sách.

d) Nếu dự án của doanh nghiệp có nhiều hạng mục, trong đó có hạng mục đầu tư phù hợp với đối tượng, điều kiện của chính sách quy định tại Nghị quyết này, thì được xem xét hỗ trợ theo quy mô và tổng mức vốn đối với hạng mục tương ứng đó.

đ) Dự án được lập, thẩm định, phê duyệt theo trình tự quy định hiện hành của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành khác.

e) Những nội dung khác có liên quan đến chính sách, nếu không quy định tại Nghị quyết này, thì thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

g) Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, quy định tại khoản 2, Điều 3, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; Doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết với nông dân.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 2. Hỗ trợ chênh lệch lãi suất

Hỗ trợ chênh lệch lãi suất thực hiện theo Điều 8, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

2. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại. Cụ thể:

a) Tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 08 năm.

b) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

4. Phương thức hỗ trợ lãi suất:

a) Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính cho từng dự án và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

5. Điều kiện hỗ trợ lãi suất:

a) Các khoản vay đúng đối tượng, đúng mục tiêu và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

b) Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với ngân hàng thương mại.

c) Hợp đồng tín dụng được hỗ trợ là các hợp đồng chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác.

d) Có dự án đầu tư đáp ứng tiến độ thực hiện theo quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật đầu tư.

Điều 3. Hỗ trợ tập trung đất đai

Ngoài chính sách hỗ trợ tập trung đất đai để hình thành vùng nguyên liệu thực hiện theo Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được hỗ trợ các hình thức tập trung đất đai như sau:

1. Các hình thức hỗ trợ

a) Thuê quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

- Khuyến khích doanh nghiệp thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất sản xuất nông nghiệp để đầu tư vào sản xuất nông nghiệp tập trung.

- Doanh nghiệp có thể trực tiếp ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với người sử dụng đất hoặc người sử dụng đất ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với doanh nghiệp, nhưng doanh nghiệp thanh toán tiền thuê trực tiếp với người dân.

- Doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng được chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuê (nếu có) theo quy định.

- Thời hạn thuê, giá thuê do thỏa thuận của hai bên theo thời gian thực hiện dự án nhưng không quá 50 năm và không quá thời hạn sử dụng còn lại của người sử dụng đất. Đến khi hết hạn sử dụng đất (đồng thời hết hạn hợp đồng thuê quyền sử dụng đất) thì người sử dụng đất lập thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp theo quy định; sau khi được xác nhận lại thời hạn sử dụng đất thì hai bên được tự thỏa thuận tiếp tục thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất.

b) Góp vốn bằng quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

- Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện tập trung đất đai bằng hình thức nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tập trung.

- Thời hạn góp vốn, giá trị góp vốn bằng quyền sử dụng đất do thỏa thuận của hai bên theo thời gian thực hiện dự án nhưng không quá 50 năm. Đến khi hết hạn sử dụng đất, doanh nghiệp có nhu cầu gia hạn thì được xem xét theo quy định.

c) Hình thức kết hợp

Trong cùng một dự án đầu tư, doanh nghiệp có thể kết hợp hai hình thức tại điểm a, b Khoản 1 của Điều này nhằm đáp ứng nhu cầu để thực hiện dự án.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 01 lần cho doanh nghiệp thực hiện tập trung đất nông nghiệp theo hình thức góp vốn, cho thuê bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tập trung được hỗ trợ là 50 triệu đồng/ha.

b) Hỗ trợ 01 lần cho hộ gia đình, cá nhân cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp hoặc thực hiện chuyển đổi quyền sử dụng đất để thực hiện tập trung đất đai với mức 50 triệu đồng/ha.

c) Thời điểm hỗ trợ được thực hiện sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định.

3. Điều kiện được hưởng chính sách tập trung đất đai

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Việc sử dụng đất phải đảm bảo đúng mục đích, phù hợp kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trong thời gian thuê đất, nếu doanh nghiệp không sử dụng đất vào sản xuất 01 năm trở lên (không bao gồm những diện tích đang tiến hành xây dựng và thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư) thì doanh nghiệp phải hoàn trả số tiền đã được hỗ trợ đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Diện tích tập trung đất đai phải đảm bảo quy mô tối thiểu 03 ha, các thửa đất dự kiến tập trung phải liền kề nhau.

c) Doanh nghiệp thực hiện tập trung đất đai để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp phải đảm bảo ưu tiên sử dụng lao động là người có đất thực hiện tập trung đất đai nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

d) Phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Doanh nghiệp được hưởng chính sách khuyến khích tập trung đất nông nghiệp đối với trường hợp thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đảm bảo thời gian thuê, góp vốn tối thiểu là 05 năm.

e) Dự án đầu tư của doanh nghiệp là dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và dự án phải phù hợp với danh mục khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi

Ngoài hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt theo Điều 12,Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Các doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được hỗ trợ như sau:

1. Hình thức hỗ trợ

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi tập trung được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng như xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị nhưng tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Có quy mô chăn nuôi từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên (đơn vị vật nuôi là đơn vị quy đổi của gia súc, gia cầm theo khối lượng sống, không phụ thuộc vào giống, tuổi và giới tính. Mỗi đơn vị vật nuôi tương đương với 500 kg khối lượng vật nuôi sống), nằm trong vùng quy hoạch được phê duyệt và đảm bảo đủ điều kiện chăn nuôi, an toàn sinh học, an toàn thực phẩm, thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật.

b) Đối với hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi, doanh nghiệp được lựa chọn một trong hai hình thức hỗ trợ theo điều 2 hoặc điều 4 của Quy định này.

Chương III

NGUỒN VỐN, CƠ CHẾ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC HỖ TRỢ

Điều 5. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Đối với hỗ trợ lãi suất thì sử dụng nguồn vốn sự nghiệp chi thường xuyên; đối với hỗ trợ vốn đầu tư các dự án thì sử dụng nguồn vốn đầu tư.

2. Nguồn vốn hỗ trợ gồm ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và lồng ghép từ các chương trình, dự án khác theo Điều 14, Nghị định số 57/2018/NĐ- CP và Điều 5, Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và cân đối bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ các dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách địa phương hàng năm cho ngành nông nghiệp để thực hiện các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách đặc thù của tỉnh tại Nghị quyết này.

Điều 6. Cơ chế hỗ trợ và trình tự thủ tục hỗ trợ

1. Cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Trình tự thủ tục hỗ trợ

a) Hồ sơ, trình tự đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

b) Đối với hỗ trợ tập trung đất đai, Doanh nghiệp thuê đất hoặc nhận góp vốn bằng Quyền sử dụng đất lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho cả doanh nghiệp và hộ gia đình, cá nhân có đất cho thuê hoặc góp vốn gồm:

- Bảng kê diện tích thuê đất có ký nhận của chủ sử dụng đất có ruộng cho thuê, có bản đồ về khu đất thuê, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cho thuê.

- Hợp đồng thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất (còn hiệu lực).

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện, xử lý, giải quyết kịp thời các nội dung phát sinh phù hợp với thẩm quyền trong quá trình thực hiện Quy định này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ban hành Quyết định chủ trương đầu tư về danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo quy định tại Khoản 1, Điều 16, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Thời hạn 05 năm một lần; hàng năm rà soát và điều chỉnh.

3. Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phát sinh ngoài phạm vi nghị quyết đã ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân để xem xét.

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì tổ chức nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu; nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn cân đối ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao danh mục và mức vốn; định mức hỗ trợ từng loại dự án, hạng mục công trình đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh (nếu có) để tổ chức xúc tiến kêu gọi đầu tư theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, cùng với các sở, ngành liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng theo Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện hỗ trợ tín dụng theo quy định này.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí; phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn thủ tục hồ sơ thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp theo quy định này.

4. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh

a) Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại có chi nhánh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện cho vay theo quy định của pháp luật và Quy định này.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh giải ngân khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp trong vòng 05 ngày làm việc theo Quy định này.

6. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định này.

7. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Sử dụng vốn vay, kinh phí hỗ trợ đúng mục đích. Nếu sử dụng vốn vay, kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích, không đúng đối tượng sẽ bị thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện các quy định của ngân hàng thương mại cho vay về thủ tục vay vốn, điều kiện vay vốn, thủ tục hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo theo quy định.

d) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định khác của pháp luật.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương và các doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Quốc Chung